

ẢNH HƯỞNG CỦA PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN DÂN CƯ VEN BIỂN TỈNH QUẢNG NAM

NGUYỄN THỊ BÍCH NGUYỆT

Tóm tắt: Sự hình thành và phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đã làm làn sóng thu hút đầu tư vào địa phương tăng lên đáng kể, GRDP tăng gần 11%/năm giai đoạn 2015 - 2020. Tuy nhiên, phát triển mạnh các hoạt động công nghiệp cũng đi kèm với nhiều thách thức, tác động môi trường đối với tỉnh Quảng Nam như lượng chất thải rắn, nước thải và khí thải phát sinh ngày càng lớn, chất lượng môi trường diễn biến phức tạp, chưa kiểm soát được toàn diện. Ngoài ra, việc phát triển các khu công nghiệp còn tác động đến các vấn đề xã hội như hạ tầng đi kèm của khu công nghiệp, sức khỏe người dân, việc làm... Bài báo phân tích những ảnh hưởng từ phát triển khu công nghiệp đến môi trường và xã hội tại tỉnh Quảng Nam, từ đó đề xuất các giải pháp kiểm soát ô nhiễm, hạn chế các tác động tiêu cực từ hoạt động khu công nghiệp đến môi trường tỉnh Quảng Nam.

Từ khóa: dân cư, khu công nghiệp, Quảng Nam

IMPACTS OF INDUSTRIAL PARK DEVELOPMENT ON COASTAL RESIDENTS IN QUANG NAM PROVINCE

Abstract: The formation and development of industrial zones in Quang Nam province has significantly increased the wave of investment attraction in the locality, GRDP increased by nearly 11% per year in the period 2015 - 2020. However, the strong development of industrial activities also comes with many challenges and environmental impacts on Quang Nam province such as: The amount of solid waste, wastewater and emissions generated is increasing, environmental quality is changing complicatedly and has not been fully controlled. In addition, the development of industrial zones also affects social issues such as the accompanying infrastructure of industrial parks, people's health, employment, etc. This article analyzes the impacts of industrial zone development on the environment and society in Quang Nam province, thereby proposing solutions to control pollution and limit negative impacts from industrial park activities on the environment of Quang Nam province.

Keywords: residents, industrial zone, Quang Nam

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quảng Nam có tất cả 14 khu công nghiệp (KCN) đã được thành lập với tổng diện tích 3.670 ha, có 11 KCN thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai (diện tích là 2.954 ha) và 03 KCN nằm ngoài Khu kinh tế mở Chu Lai (diện tích là 716 ha). Có 10/14 KCN đã đi vào hoạt động và 04 KCN đang thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng. Hầu hết các KCN tỉnh Quảng Nam đều nằm ở vùng ven biển, với 13/14 KCN (chiếm 92,8%).

Tuy mang lại các giá trị về kinh tế, việc làm, đào tạo nghề, tăng thu nhập,... song tại các KCN trong tỉnh đã nảy sinh các vấn đề xã hội như mất đất sản xuất, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân. Bên cạnh đó, các vấn đề ô nhiễm môi trường đã và đang trở nên nghiêm trọng. Điển hình, lượng chất thải rắn (CTR), nước thải phát sinh ngày càng lớn; tình trạng ô nhiễm nước mặt các sông chảy qua khu đô thị, khu dân cư tập trung, ô nhiễm môi trường tại các cảng cá và khai thác cát trên một số sông diễn biến phức tạp, chưa

được kiểm soát. Tất cả các vấn đề này ngày càng có tác động đến cuộc sống của người dân.

Vì vậy, việc nghiên cứu mức độ ảnh hưởng của các KCN đến dân cư ven biển tỉnh Quảng Nam có ý nghĩa quan trọng trong định hướng phát triển bền vững của địa phương.

2. CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở dữ liệu

Dữ liệu sử dụng trong bài báo chủ yếu được khai thác từ nguồn tư liệu thuộc đề tài cấp Bộ “Ảnh hưởng của phát triển các KCN đến môi trường vùng ven biển tỉnh Quảng Nam” do Viện Địa lý nhân văn chủ trì; dữ liệu từ các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam, các nguồn dữ liệu được thu thập trực tiếp từ các hoạt động điều tra phỏng vấn sâu trên địa bàn các KCN của tỉnh và các báo cáo của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo chủ yếu sử dụng phương pháp điều tra khảo sát, phân tích, tổng hợp thông tin và đánh giá hiện trạng phát triển KCN tỉnh Quảng Nam; tổng hợp thông tin và đánh giá tác động của sự phát triển các KCN tỉnh Quảng Nam đến môi trường xã hội khu vực dân cư ven biển tỉnh Quảng Nam.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng phát triển các khu công nghiệp vùng ven biển tỉnh Quảng Nam

Quảng Nam nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có nhiều điều kiện thuận lợi để hình thành KCN. Tính đến năm 2022, tỉnh đã thành lập 14 KCN, trong đó có 10 KCN đã đi vào hoạt động chính thức. Các KCN góp phần quan trọng trong cơ cấu nền kinh tế, chiếm tỉ lệ khoảng trên 60% tổng thu ngân sách nhà nước của địa phương năm 2021 [6]. Trong định hướng phát triển KCN và Quyết định số 2298/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tỉnh Quảng Nam đến 2020, có xét đến 2025 đã xác định: tập trung nguồn lực

để đầu tư quy hoạch phát triển các KCN thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai, đẩy mạnh công tác đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và thu hút đầu tư lấp đầy diện tích vào các KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Đông Quế Sơn, Thuận Yên, Phú Xuân; nâng cấp 07 cụm công nghiệp lên thành các KCN chuyên ngành.

Trong số 14 KCN đã được thành lập với tổng diện tích 3.670 ha, có 11 KCN thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai (tổng diện tích là 2.954 ha) và 03 KCN nằm ngoài Khu kinh tế mở Chu Lai (tổng diện tích là 716 ha). Có 10/14 KCN đã đi vào hoạt động và 04 KCN đang thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng. Các KCN đã thu hút 241 dự án đầu tư (81 dự án FDI), tổng vốn đăng ký đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN khoảng 8.925 tỷ đồng [1]. Hầu hết các KCN tỉnh Quảng Nam đều nằm ở vùng ven biển (13/14 KCN).

Hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện nay tập trung vào các nhóm sản phẩm chính như: ô tô lắp ráp, may mặc, giày dép các loại, chế biến thủy sản, bia các loại, dăm gỗ, gạch men, gạch nung các loại,... Đến năm 2020, giá trị sản xuất của các cơ sở sản xuất thuộc các KCN đạt 72.958 tỉ đồng, gấp gần 4 lần giá trị đạt được của năm 2010 với mức tăng trưởng đạt bình quân 14,7%/năm trong thời kỳ 2011 - 2020. Đóng góp chủ yếu trong giá trị sản xuất trong giai đoạn vừa qua là các sản phẩm cơ khí chế tạo và lắp ráp ô tô của Công ty cổ phần ô tô Trường Hải (sản lượng năm 2020 gấp 5,0 lần năm 2010); các doanh nghiệp sản xuất dệt may trong KCN Tam Thăng (sản lượng tăng gấp 3,7 lần); các sản phẩm đồ uống (tăng gấp 3,5 lần); chế biến đồ gỗ (tăng 15,4 lần); sản phẩm dăm gỗ (gấp 5,0 lần) [1]....

3.2. Ảnh hưởng đến dân cư do phát triển khu công nghiệp ven biển tỉnh Quảng Nam

3.2.1. Ảnh hưởng tích cực

KCN luôn có vai trò quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia và địa phương. Vai trò và lợi ích mà các KCN mang lại cho nền kinh tế là rất rõ ràng thông qua các chỉ tiêu về kinh tế, xã hội tại các địa phương có

KCN đặt trên địa bàn nói riêng và cho sự phát triển của đất nước nói chung.

Khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu người dân về những ảnh hưởng tích cực từ việc phát triển các KCN đến các vấn đề xã hội theo bảng 1. Trong đó, người dân đánh giá cao KCN có vai trò tạo việc làm cho người lao động (với

số điểm 4,15 so với thang điểm cao nhất là 5), KCN giúp đào tạo nghề, tăng tính kỷ luật cho người lao động (đạt 3,92 điểm); tăng thu nhập và cải thiện mức sống (3,90 điểm). Các yếu tố khác như phát triển hệ thống trường học và cải thiện nhà ở gần như không có tác động gì lớn đối với địa phương nên không được đánh giá cao.

Bảng 1. Các ảnh hưởng tích cực từ việc phát triển KCN đến các vấn đề xã hội

Tác động, ảnh hưởng tích cực của các KCN	Số người trả lời	Điểm TB	Độ lệch chuẩn
Tạo việc làm cho người lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động	120	4,15	0,88
Giúp đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động và tăng tính kỷ luật	120	3,92	0,91
Tăng thu nhập và cải thiện mức sống cho người lao động	120	3,90	0,94
Thúc đẩy phát triển hệ thống trường học, bệnh viện, các loại hình dịch vụ khác	120	2,89	0,83
Tạo ra những điều kiện cải thiện vấn đề nhà ở xã hội	120	2,71	0,93

Nguồn: Kết quả điều tra của đề tài, 2023

Theo thông kê của Ban Quản lý các Khu kinh tế và KCN tỉnh Quảng Nam (2023), các KCN trên địa bàn tỉnh tạo việc làm cho hơn 38.000 người lao động chiếm 2,58% dân số toàn tỉnh Quảng Nam năm 2022 [1].

Kết quả phỏng vấn sâu người dân sống quanh KCN cũng cho thấy, thu nhập từ KCN cao hơn làm nông nghiệp nên hiện nay nhiều người dân không mặn mà với làm nông nghiệp. Chỉ duy nhất những người không đủ điều kiện làm việc (người già, người không đáp ứng về độ tuổi, sức khỏe, trình độ) mới không tham gia làm việc tại

KCN. “*Làm việc tại KCN cho thu nhập ổn định và tốt hơn làm nông nghiệp, do vậy nhiều người dân bỏ ruộng để đi làm công nhân, ở đây hiện nay cũng không còn hộ chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản*” (PVS Ông T.V.N (1952), xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành).

Thu nhập của người lao động trong các KCN còn tăng định kỳ hằng năm, đến năm 2020, thu nhập bình quân/tháng của lao động doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo đạt khoảng 8,6 triệu đồng/người/tháng, gấp gần 4,0 lần so với năm 2010.

Bảng 2. Thu nhập bình quân tháng của lao động tỉnh Quảng Nam (triệu đồng/tháng)

Thu nhập	2010	2015	2020
Toàn nền kinh tế	2.520	4.971	7.850
Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo	2.181	4.484	8.635

Nguồn [7]

Đối với đào tạo nâng cao tay nghề, đáng chú ý là KCN cơ khí ô tô Chu Lai - Trường Hải, giai đoạn 2002 - 2006 đưa vào hoạt động Trung tâm đào tạo để giải quyết vấn đề nguồn nhân lực của Quảng Nam và miền Trung. Từ năm 2007, KCN tiếp tục đưa vào hoạt động Trường Cao đẳng nghề Thaco, với chức năng đào tạo các trình độ từ sơ cấp, trung cấp và

cao đẳng với số lượng 650 học sinh, sinh viên/năm với các ngành nghề công nghệ ô tô, hàn, bảo trì thiết bị cơ điện, công nghệ thực phẩm, trồng cây lương thực, thực phẩm để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho Thaco và Khu kinh tế mở Chu Lai.

Ngoài ra, các KCN còn góp phần trong xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông phục vụ phát

triển kinh tế - xã hội địa phương. Giai đoạn 2007 - 2011, KCN Thaco Chu Lai được đưa vào hoạt động. Cảng Chu Lai là cảng biển có quy mô lớn, đầu tiên do doanh nghiệp đầu tư. Ngày 22/9/2021, cảng Chu Lai thuộc Công ty THILOGI được quy hoạch từ cảng biển loại 2 (cảng tổng hợp địa phương) thành cảng biển loại 1 (cảng quốc gia, đầu mối khu vực) theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo kế hoạch, tỉnh Quảng Nam định hướng phát triển cảng Chu Lai trở thành một trong các đầu mối về giao thông vận tải, giao thương trong nước và quốc tế của khu vực miền Trung và Tây Nguyên; là cửa ngõ kết nối ra Biển Đông của vùng Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Thái Lan.

3.2.2. Các ảnh hưởng tiêu cực

Bên cạnh những tác động tích cực, thì hoạt động các KCN cũng gây ra những tác động tiêu

cực như ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe người dân và những vấn đề xã hội khác.

Việc phát triển các KCN ở địa phương đã làm cho một bộ phận người dân bị mất đất sản xuất, mất việc làm. Mặt khác, khi các KCN được xây dựng thì có một lượng lớn người lao động ở nơi khác đến làm việc và sinh sống ở địa phương, từ đó kéo theo các nhu cầu về hàng hóa thiết yếu phục vụ cho cuộc sống hằng ngày tại địa phương tăng cao.

Theo kết quả điều tra (Bảng 3), trong số các ảnh hưởng tiêu cực từ sự phát triển của KCN tới các vấn đề xã hội, người dân lo ngại nhất là những ảnh hưởng đến sức khỏe (4,29 điểm) và ảnh hưởng đến năng suất cây trồng (4,37 điểm). Ngoài ra việc chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản tại khu vực này ít phát triển nên người dân đánh giá không cao các ảnh hưởng giảm năng suất gia súc gia cầm (2,82 điểm), giảm năng suất nuôi trồng thủy sản (2,58 điểm), giảm sản lượng khai thác thủy hải sản (2,79 điểm).

Bảng 3. Đánh giá của người dân về tác động tiêu cực của phát triển KCN tới các vấn đề xã hội

Tác động, ảnh hưởng tiêu cực của các KCN	Số người trả lời	Điểm TB	Độ lệch chuẩn
Người dân bị thu hồi đất dẫn đến không có đất để canh tác	119	2,84	0,86
Gây nên những sức ép đối với các lĩnh vực dịch vụ công: nhà ở, công viên, trường học, bệnh viện...	120	2,40	0,62
Làm gia tăng tình trạng mất ổn định xã hội (tệ nạn xã hội, đình công, biểu tình...)	120	2,21	0,62
Văn hóa tại địa phương có KCN sẽ bị pha tạp do lượng du nhập lớn của người lao động từ các tỉnh, thành phố đến làm việc	120	1,85	0,77
Gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe của con người	120	4,29	0,70
Giảm năng suất cây trồng do ô nhiễm môi trường	120	4,37	0,62
Làm giảm năng suất gia súc, gia cầm	120	2,82	0,76
Làm giảm năng suất nuôi trồng thủy sản	120	2,58	0,72
Làm giảm sản lượng khai thác thủy hải sản	120	2,79	0,74

Nguồn: Kết quả điều tra của đề tài, 2023

- Ảnh hưởng đến sức khỏe người dân: Các hoạt động sản xuất công nghiệp gây ra 2 vấn đề ô nhiễm chính đối với môi trường không khí là khí thải và mùi hôi. Trong đó, các ngành phát sinh khí thải nhiều nhất là sản xuất xi măng, nhiệt điện than, sản xuất gạch nung

(gạch men, gạch tuynel) và việc sử dụng lò hơi tại các cơ sở sản xuất; các ngành gây ô nhiễm mùi là sản xuất thức ăn chăn nuôi và cao su. Các ngành còn lại hầu như chỉ gây tác động đến môi trường không khí ở mức độ nhỏ lẻ, chủ yếu ảnh hưởng đến môi trường làm việc

trong phạm vi nhà máy là chính, ít ảnh hưởng ra các khu vực xung quanh.

Theo phản ánh của người dân, bụi, khói từ hoạt động của các KCN có quanh năm và điển hình là mùa khô ảnh hưởng nhiều hơn mùa mưa. Điều này cũng tương đồng với kết quả quan trắc chất lượng không khí của Sở TN&MT Quảng Nam (2023), vào mùa khô thì hàm lượng bụi lơ lửng nhiều hơn vào mùa mưa [1].

Bên cạnh đó, ô nhiễm bụi do các phương tiện vận chuyển trong KCN ảnh hưởng đến người dân. Điển hình tại nút giao đường Quang Trung - Nguyễn Văn Linh tại Thị trấn Núi Thành, chất lượng đường giao thông xuống cấp, cộng với hoạt động vận chuyển phục vụ hạ tầng thoát nước đang thi công tại đây đã làm phát tán lượng bụi đáng kể vào môi trường không khí gây ảnh hưởng đến đời sống người dân và cảnh quan khu vực.

Theo kết quả khảo sát của đề tài, từ khi hình thành các KCN đến nay người dân thường mắc các bệnh về hô hấp, về mắt với tần suất nhiều hơn, mức độ từ nhẹ đến trung bình. *“Cứ về tầm tối muộn, có hôm thì từ 3 - 4h sáng mùi rất khét và làm tôi khó thở. Từ khi KCN hoạt động tôi hay bị ho và khó thở hơn, vì tôi bị bệnh hen. Cũng có thời điểm trong KCN không biết nhà máy nào thải ra khói đen, nhà tôi gần đây thường xuyên xuất hiện bụi mịn đen”* (PVS chị N.T.L (1974), xã Tam Hiệp).

Hiện nay, một số KCN đã có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung, góp phần giảm nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, tình trạng ô nhiễm môi trường do nước thải từ KCN vẫn gia tăng. Cụ thể, theo Báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, số nguồn thải phát sinh nước thải >1.000 m³/ngày đêm tại khu vực ven biển Quảng Nam là 12 nguồn thải, tổng lượng nước thải của khu vực này là 234.810 m³/ngày đêm cao hơn rất nhiều so với một số tỉnh thuộc khu vực Nam Trung Bộ (như Khánh Hòa 973.950 m³/ngày đêm; Ninh Thuận là 8.837 m³/ngày đêm) [3].

Phần lớn các điểm dân cư gần KCN Bắc Chu Lai với TSP vào đợt quan trắc năm 2020 đạt 770 µg/m³, vượt giới hạn quy định. Các vấn đề ô nhiễm nước tại lưu vực sông đang trở thành các nguy cơ tiềm ẩn. Tại khu vực hạ lưu sông Trà, sau tiếp nhận nước thải của KCN Trường Hải và KCN Tam Hiệp, hàm lượng clorua thường xuyên có giá trị vượt giới hạn. Ngoài ra, thông số chất rắn lơ lửng tại khu vực sông Bồng Miêu (xã Tam Lãnh, huyện Phú Ninh), cách nhà máy vàng Bồng Miêu khoảng 1 km về phía hạ lưu tuy đã được cải thiện nhưng sẽ ô nhiễm nếu hoạt động khai thác được thực hiện trở lại. Tại sông Ly Ly (Quế Sơn), cách KCN Đông Quế Sơn khoảng 200 m về phía hạ lưu, thông số NH₄⁺ và PO₄³⁻ vượt 2,36 và 1,44 lần giới hạn cho phép cột A2 của QCVN 08-MT:2015/BTNMT vào tháng 3/2016. Các nguồn thải công nghiệp này cũng là nguyên nhân chính gây ra tình trạng ô nhiễm kim loại nặng (Fe, Pb) trong thời gian dài. Như vậy, chất lượng môi trường tại khu vực lân cận các KCN có xu hướng bị ảnh hưởng [4].

Năm 2023, công tác quy hoạch và vận hành hệ thống xử lý nước thải (XLNT) ở một số KCN Quảng Nam chưa đúng quy định, hiệu quả chưa cao; chưa đạt 100% các KCN có hệ thống XLNT. Tại một số KCN, mặc dù có hệ thống XLNT tập trung nhưng quá trình vận hành chưa hiệu quả, mạng lưới thu gom và hệ thống xử lý nước không được duy tu, bảo dưỡng định kì. Nhiều KCN dù đã xây dựng hệ thống XLNT tập trung, nhưng lượng nước thải thu gom quá ít, không đủ để vận hành thường xuyên. Một số KCN chưa có công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (KCN Thuận Yên, KCN Tâm Anh, KCN Cảng và hậu cần cảng Chu Lai Trường Hải) theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT [2]. Việc đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom XLNT tập trung KCN trên địa bàn tỉnh Quảng Nam hiện có Công ty Cổ phần soda Chu Lai nằm trong KCN Tam Hiệp không đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom chung do xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng. Công ty nhiều lần vi phạm về việc xả

nước thải ra môi trường chưa đạt quy định, đây là cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, theo kết quả khảo sát thực tế từ phỏng vấn sâu, phản ánh của người dân cũng cho thấy nhiều vụ việc nước thải từ các KCN gây ô nhiễm môi trường như: nước thải từ công xả thải của KCN Bắc Chu Lai gây ô nhiễm ở khu vực nương Cầu; nước thải từ KCN Tam Thăng thải ra sông, ngòi dẫn ra cánh đồng, đen ngòm, bốc mùi hôi thối. Đặc biệt là giếng khoan của hộ dân xung quanh KCN có mùi và nhớt, người dân không sử dụng được.

“Trong mấy năm nay khi KCN phát triển thì nguồn nước giếng khoan trong thôn không sử dụng được nữa. Nước có màu vàng và nhớt. Nước tại con suối chảy qua thôn trước kia cá nhiều, nhưng từ khi phát triển KCN tại đây thì có thời kì cá chết hàng loạt, nước suối lúc màu đen, lúc màu vàng. Hiện tại trong thôn chưa có nước sạch nên người dân phải đi mua nước bình đóng chai để nấu ăn. Theo tôi thấy thì người dân trong thôn cũng bị các bệnh về tiêu hóa nhiều hơn và mắc bệnh ung thư nhiều hơn trước” (PVS ông C.T.D (1953), thôn Tân Thái, xã Tam Thăng).

“Sống trong KCN quy hoạch treo nên chưa có nước sạch, nước nhiễm phèn không dùng được, phải mua nước để ăn uống. KCN thành lập từ năm 2009 đến nay, hơn 200 hộ tổ 4, thôn Phế Nhân chưa có nước sạch. Trước năm 2022 có nhà máy kính thải ra khói đen, dân trong thôn không thể thở được, sau đó nhà máy này bị dừng hoạt động nên chất lượng không khí được cải thiện. Nhưng nước ngầm bị ảnh hưởng nghiêm trọng, hằng năm vẫn có các anh, chị của cơ quan nhà nước về lấy mẫu nước ngầm và nước mặt nhưng chúng tôi không được biết kết quả mẫu nước có sử dụng được không?” (PVS chị V.T.L (1972), thôn Phế Nhân, xã Tam Hợp - gần KCN Bắc Chu Lai).

3.3. Một số giải pháp giảm thiểu tác động khi phát triển khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam

- Các cấp chính quyền địa phương cần thực hiện tốt các chính sách đền bù và giải phóng mặt

bằng, từ trong việc giải tỏa và bồi thường. Đặc biệt là các phương án tái sản xuất cho nông hộ bị mất đất sản xuất, cần có hành lang pháp lý để doanh nghiệp có trách nhiệm với các hộ gia đình trong việc bồi thường giải phóng mặt bằng, sử dụng lao động tại chỗ.

- Gắn kế hoạch phát triển doanh nghiệp với kế hoạch tuyển dụng lao động tại chỗ, kế hoạch đào tạo người lao động phù hợp với ngành nghề và cơ cấu lao động của doanh nghiệp. Có chính sách cho người dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Với giải pháp này, khi những hộ gia đình bị thu hồi đất lại lấy ngay tiền đền bù để góp vốn đầu tư vào các nhà máy xí nghiệp được xây dựng trên đất của họ. Như vậy, họ trở thành cổ đông của doanh nghiệp và được hưởng các lợi ích như: dễ dàng được tiếp nhận vào làm việc tại doanh nghiệp với mức lương ổn định và các chế độ đãi ngộ khác như bảo hiểm thân thể, bảo hiểm y tế; nhận được lợi tức từ việc góp vốn cho doanh nghiệp. Như vậy, doanh nghiệp cũng được hưởng lợi trong việc giải phóng mặt bằng, rút ngắn thời gian xây dựng, nhanh chóng đi vào hoạt động, tránh trường hợp dự án bị đình trệ do vướng mắc trong giải phóng mặt bằng.

- Các khu công nghiệp cần tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng trạm XLNT tập trung của KCN Thuận Yên và KCN hậu cần cảng Trường Hải và công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định. Chỉ đạo, yêu cầu 4 KCN (KCN Thuận Yên, KCN Cảng và hậu cần cảng Chu Lai Trường Hải, KCN Tam Thăng 2, KCN Tam Anh - Hàn Quốc) nhanh chóng hoàn thành lắp đặt hệ thống quan trắc tự động kết nối truyền dữ liệu quan trắc về Sở TN&MT, xây dựng hồ sơ cố nước thải để việc xả nước thải ra môi trường tại các KCN.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, Ban quản lý các khu kinh tế, KCN cần tập trung chỉ đạo yêu cầu Công ty Cổ phần sô đa Chu Lai xây dựng công trình XLNT đảm bảo đạt yêu cầu về XLNT trước khi thải ra môi trường. Các chủ nguồn thải khí thải công nghiệp thuộc danh mục các nguồn khí thải lưu lượng lớn quy định tại

Phụ lục của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ phải lắp đặt thiết bị quan trắc tự động.

- Đây mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong các KCN. Để giảm thiểu các tác động của việc phát triển các KCN đến môi trường có hiệu quả, phải làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục pháp luật môi trường để các chủ thể có đầy đủ các thông tin từ đó chủ động trong việc phòng ngừa ô nhiễm và xử lý ô nhiễm trong quá trình sản xuất. Bên cạnh đó, việc tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, ý thức về BVMT đến người dân, cộng đồng trong cuộc sống hằng ngày để ngăn ngừa và hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật môi trường, đồng thời nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc phát hiện kịp thời đối với các doanh nghiệp vi phạm quy định về bảo vệ môi trường, kiến nghị tới cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý.

Bài báo là sản phẩm của đề tài cấp Bộ: "Ảnh hưởng của phát triển các khu công nghiệp đến môi trường vùng ven biển tỉnh Quảng Nam", Viện Địa lý nhân văn chủ trì, theo hợp đồng số 128/HĐKH-KHXH ngày 19 tháng 1 năm 2023.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Quản lý các KKT&KCN tỉnh Quảng Nam (2023). *Báo cáo Tình hình triển khai xây dựng và hoạt động của các Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam*.
2. Ban Quản lý các KKT&KCN tỉnh Quảng Nam (2023). *Báo cáo Tình hình đầu tư và công tác bảo vệ môi trường tại Khu kinh tế mở Chu Lai và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam*.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020). *Báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo quốc gia giai đoạn 2016-2020*.
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022). *Báo cáo đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội và công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại vùng kinh tế trọng điểm miền Trung*.
5. UBND tỉnh Quảng Nam (2023). *Báo cáo số 277/BC - UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 về tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 và nhiệm vụ năm 2024*.
6. UBND tỉnh Quảng Nam (2021). *Báo cáo số 216/BC - UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 về Tình hình kinh tế - xã hội năm 2021 và nhiệm vụ năm 2022*.
7. UBND tỉnh Quảng Nam (2021). *Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 "Phương án phát triển ngành công nghiệp"*.

Thông tin tác giả:

Nguyễn Thị Bích Nguyệt - Viện Địa lý nhân văn
Địa chỉ: Số 176, Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
Email: nguyetnb@gmail.com; ĐT: 0912322759

Nhật kí tòa soạn:

Ngày nhận bài: 5/7/2024
Biên tập: 9/2024